TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15 - 9 - 2020 V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Hoàng Việt**.

2. Bà **Bùi Thị Hồng Thu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Ông **Lý Út Hoài** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị K**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Thạch S**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị K trình bày:***

Bà Lý Thị K và ông Thạch S kết hôn, có tiến hành thủ tục đăng ký hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Phú (Nay thuộc huyện Trần Đề) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 051, quyển số 01/2006 ngày 20/3/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan niệm sống không hợp nhau. Mặc dù hai bên cố gắng và hai gia đình đã can thiệp nhưng vợ chồng bà K ông S vẫn không hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Vợ chồng bà K ông S có hai con chung tên Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 và Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011. Vợ chồng bà K ông S không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Lý Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lý Thị K yêu cầu ly hôn với ông Thạch S.

- Về con chung: Bà Lý Thị K yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 và Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 đến khi thành niên và không yêu cầu ông Thạch S phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông Thạch S.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lý Thị K đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lý Thị K (bản sao chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Thạch S (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 051, quyển số 01/2006 ngày 20/3/2006;

+ Giấy khai sinh mang tê Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 và Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 (Bản sao chứng thực);

+ Xác nhận của Công an thị trấn T về việc nhà chưa được cấp số.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/4/2020 bà Lý Thị K có văn bản yêu cầu vắng mặt xét xử.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 và Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 để xem xét nguyện vọng: Cả hai cháu Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Lý Thị K trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Thạch S được bà Ngô Thị Cám là mẹ ngụ cùng địa chỉ với ông Thạch S nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Thạch S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lý Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Thạch S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng nguyên đơn bà Lý Thị K và bị đơn ông Thạch S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Lý Thị K cho vợ chồng bà Lý Thị K ông Thạch S ly hôn. Về con chung giao cho bà Lý Thị K trực tiếp nuôi dưỡng và ông Thạch S không phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Lý Thị K xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Lý Thị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/10/2019, bà Lý Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch S có nơi cư trú tại ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Thạch S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Lý Thị K về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2010 bà Lý Thị K và ông Thạch S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 051, quyển số 01/2006 ngày 20/3/2006. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị K và ông Thạch S là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Lý Thị K: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan niệm sống không hợp nhau. Vấn đề này đã được bà Lý Thị K ông Thạch S cố gắng và hai gia đình đã can thiệp nhưng vợ chồng bà K ông S vẫn không hàn gắn được tình cảm dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được nên đã ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Hội đồng xét

xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Thạch S nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Thạch S không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Lý Thị K đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã lên tới đỉnh điểm và không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 đến nay nên yêu cầu ly hôn với ông Thạch S. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Lý Thị K ông Thạch S hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Thạch S đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc ông Thạch S không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Lý Thị K. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị K cho bà Lý Thị K được ly hôn với ông Thạch S.

[3.3] Về con chung: Bà Lý Thị K xác định vợ chồng có hai con chung tên: Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 và Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006, hiện nay hai con chung do bà Lý Thị K nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với các giấy khai sinh mang tên Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H thể hiện là con chung của bà Lý Thị K, ông Thạch S.

[3.4] Xét yêu cầu của bà Lý Thị K được nuôi hai con chung tên Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 và Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 cho đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của hai con chung Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Ông Thạch S cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H cho bà Lý Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Lý Thị K tự nguyện không yêu cầu ông Thạch S cấp dưỡng nuôi hai cháu Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Bên cạnh đó ông Thạch S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lý Thị K chịu án phí

dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Thạch S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lý Thị K, ông Thạch S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị K được ly hôn với ông Thạch S. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị K ông Thạch S theo giấy chứng nhận kết hôn số 051, quyển số 01/2006, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/3/2006 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 14/4/2011 và Thạch Thị D, sinh ngày 06/9/2006 (hiện nay Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H đang sống chung với bà Lý Thị K) cho bà Lý Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Thạch S không phải cấp dưỡng cho cháu Thạch Thị D và Thạch Thị Ngọc H. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Thạch S mà không ai được cản trở. Ông Thạch S không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Lý Thị K.

3/ Về tài sản chung: Bà Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lý Thị K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002011, ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà K đã thực hiện xong). Ông Thạch S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lý Thị K và ông Thạch S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc